TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HC-ST
Ngày: 15 – 4 - 2022
"V/v khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định thu hồi đất và yêu cầu buộc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Anh Huy

Ông Đỗ Xuân Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hy Len - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Chiêm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 134/2019/TLST-HC ngày 24/12/2019 về việc *"Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định thu hồi đất và yêu cầu buộc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HC ngày 06 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Người khởi kiện:

Bà Nguyễn Kim C, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Danh Cam R, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh QuangH, chức vụ: Chủ tịch.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Chiến T, chức vụ: Phó Chủ tịch (có mặt).

Địa chỉ: Số 04 đường 30/4, khu phố 1, phường Dương Đông, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Vườn Quốc gia P.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T1, chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số 01 đường N, khu phố 5, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Nguyễn Kim C và người đại diện theo ủy quyền ông Danh Cam R trình bày:

Bà Nguyễn Kim C có diện tích đất 15.228,8m^2 tọa lạc tại ấp B, xã M (nay là khu phố B, phường A), thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Khi UBND thành phố P phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho dự án Cáp treo A – M mới chỉ bồi thường, hỗ trợ 9.374,3m^2, phần còn lại 5.854,5m^2 không bồi thường, hỗ trợ với lý do đất do Nhà nước quản lý, hiện trạng trên đất chỉ có cây rừng mọc tự nhiên, không có quá trình quản lý sử dụng.

Nguồn gốc đất do ông Nguyễn Dương T2 (ông nội của bà C) khai khẩn từ năm 1970. Năm 1974, ông T2 cho lại con là ông Nguyễn Minh K (cha của bà C) toàn quyền sử dụng. Năm 2003, ông K chia một phần đất cho con là bà Nguyễn Thị Kim H (chị của bà C) tiếp tục canh tác và sử dụng. Năm 2014 bà H tặng cho em là bà C tiếp tục sử dụng. Diện tích đất này một phần sử dụng trồng cây lâu năm, một phần còn lại trồng hoa màu như Khoai mì, Sắn, Ngô và mướp thu hoạch hàng năm. Một thời gian sau đó các cấp chính quyền của UBND xã M nói đất nằm trong rừng phòng hộ nên nghiêm cấm mọi hành vi phát hoang và trồng thêm cây mới. Gia đình luôn chấp hành và không trồng thêm cây. Do đó, qua một thời gian thì cây rừng mộc xen lẫn vào diện tích đất, nên Hội đồng xét duyệt nguồn gốc đất của xã M đã xét duyệt một phần đất diện tích 9.374,3m^2 có thành quả lao là cây trồng được bồi thường và hỗ trợ; diện tích đất còn lại 5.854,5m^2 là cây rừng mộc tự nhiên nên không được bồi thường.

Ngày 30/12/2016 UBND thành phố P ban hành Quyết định số 8403/QĐ-UBND thu hồi diện tích 5.854,50m^2 nhưng không bồi thường, hỗ trợ cho bà C, nên bà C làm đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND thành phố P.

Ngày 19/9/2019 Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 4197/QĐ-UBND giải quyết khẳng định việc UBND thành phố P không bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 5.854,5m^2 cho bà C là đúng quy định pháp luật và không thừa nhận nội dung khiếu nại của bà C.

Bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 4197/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Kim C.

- Buộc UBND thành phố P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 5.854,5m^2 tại khu phố B, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang cho bà C theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/4/2021 bà C tiếp tục nộp đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án: Hủy Quyết định số 8403/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND thành phố P về việc thu hồi phần đất 5.854,5m^2 của Nguyễn Kim C.

Trong quá trình giải quyết vụ án người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P trình bày tại các văn bản gửi Tòa án gồm:

* Văn bản số 65/UBND-NCPC ngày 14/02/2020 phúc đáp với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim C thể hiện:

- Trình tự, thủ tục:

Về thẩm quyền giải quyết: Quyết định số 4197/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố là quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu do Chủ tịch UBND thành phố ký ban hành là đúng với quy định tại Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011.

Về trình tự, thủ tục giải quyết: Chủ tịch UBND thành phố thực hiện đúng theo quy định Điều 27, Điều 28, Điều 29 và Điều 30 của Luật khiếu nại năm 2011.

Về hình thức văn bản: Chủ tịch UBND thành phố giải quyết khiếu nại bằng hình thức quyết định là đúng với quy định tại Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011.

- Nội dung: Tổng diện tích mà bà C bị thu hồi là 15.228,8m^2 (gồm diện tích 9.374.3m^2 bà C đã được bồi thường, hỗ trợ quyền sử dụng đất và diện tích 5.854,5m^2 mà bà C đang khởi kiện) để thực hiện dự án Cáp treo và Quần thể vui chơi giải trí biển M – P.

Ngày 31/8/2016 Hội đồng xét duyệt đất đai xã M, xét duyệt nguồn gốc tại biên bản xác minh nguồn gốc số 22/BB-HĐ, xác định *"Diện tích 5.854,5m^2 không có thành quả hiện trạng là cây rừng tự nhiên"*.

Ngày 30/12/2016 UBND thành phố P ban hành Quyết định số 8403/QĐ-UBND về việc thu hồi đất diện tích 5.854,5m^2 đối với bà Nguyễn Kim C để thực hiện dự án Cáp treo và quần thể vui chơi giải trí biển M - P tại thị trấn A, xã M, huyện P, tỉnh Kiên Giang và Quyết định số 8313/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Cáp treo và quần thể vui chơi giải trí biển M – P tại thị trấn A, xã M, huyện P, tỉnh Kiên Giang. Theo như phương án được phê duyệt bà C không được xem xét bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 5.854,5m^2.

Bà C không thống nhất nên làm đơn khiếu nại yêu cầu được bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 5.854,5m^2 gửi đến UBND thành phố. Ngày 12/7/2019 Chủ tịch UBND thành phố ban hành Thông báo số 1004/TB-UBND về việc thụ lý đơn khiếu nại lần đầu đối với bà Nguyễn Kim C. Ngày 19/9/2019 Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 4197/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Kim C với nội dung giải quyết *"khẳng định việc UBND huyện không bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 5.854,5m^2 là đúng quy định của pháp luật",* vì nguồn gốc diện tích 5.854,5m^2 mà bà Nguyễn Kim C khiếu nại là diện tích tiếp giáp với phần diện tích 9.374.3m^2 mà bà C được bồi thường, hỗ trợ. Gia đình bà C không có quá trình sử dụng diện tích trên, hiện trạng là đất cây rừng mọc tự nhiên do nhà nước quản lý. Năm 2015 khi nhà nước đo đạc, kiểm kê thì bà C đứng ra kê khai đo đạc. Sự việc trên được ông Nguyễn Minh K (cha ruột của bà C và cũng là người cho thửa đất trên lại cho bà C) thừa nhận tại Biên bản làm việc ngày 14/3/2019 tại Thanh tra huyện P *(có cung cấp biên bản kèm theo)*.

Từ những cơ sở nêu trên: Khẳng định việc UBND huyện ban hành Quyết định số 4197/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Kim C là đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, diện tích 5.854,5m^2 bà C không có quá trình sử dụng đất và đây là đất do Nhà nước quản lý. Do đó, việc UBND huyện không ban hành quyết định bồi thường đối với diện tích 5.854,5m^2 cho bà C là đúng theo quy định tại Điều 75; Điều 101 Luật Đất đai năm 2013.

UBND thành phố P đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện với nội dung "hủy Quyết định số 4197/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố về việc giải quyết khiếu nại và yêu cầu UBND thành phố P ban hành quyết định bồi thường đối với phần đất có diện tích 5.854,5m^2 bị thu hồi theo Quyết định số 8403/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND thành phố P" của bà Nguyễn Kim C.

* Văn bản số 536/UBND-NCPC ngày 21/6/2021 phúc đáp yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Nguyễn Kim C:

-Trình tự, thủ tục:

Về thẩm quyền, Quyết định số 8403/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND huyện (nay là thành phố) là quyết định thu hồi đất đối với cá nhân do UBND thành phố ký ban hành là đúng với quy định tại Khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013.

Về trình tự, thủ tục: UBND thành phố thực hiện đúng theo quy định Điều Điều 69 của Luật Đất đai năm 2013.

- Nội dung: Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu xác minh UBND thành phố P có ý kiến như sau: Căn cứ Điều 116 Luật Tố tụng hành chính việc bà C khởi kiện hủy Quyết định số 8403/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND thành phố P về việc thu hồi đất đối với bà Nguyễn Kim C là hết thời hiệu khởi kiện, vì bà C đã được cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố tổ chức giao và bà C đã nhận Quyết định số 8403/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND thành phố P tại Văn phòng UBND xã M (nay thuộc phường A) vào lúc 14 giờ ngày 19/01/2017 đến ngày 26/4/2021 thì bà C đi khởi kiện Quyết định nêu trên.

Do đó, UBND thành phố P kiến nghị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang không thụ lý giải quyết nội dung khởi kiện hủy Quyết định số 8403/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND thành phố P về việc thu hồi đất diện tích 5.854,5m^2 đối với bà Nguyễn Kim C.

Quá trình giải quyết vụ kiện Vườn quốc gia P có văn bản số 131/VQG-DLST&HSV ngày 15 tháng 3 năm 2022 trình bày:

Việc khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định về việc thu hồi đất, quyết định giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Kim C không thuộc thẩm quyền trả lời của Vườn quốc gia P. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án có bổ sung người tham gia tố tụng là Ban quản lý Khu kinh tế P và Công ty trách nhiệm hữu hạn Mặt trời P. Theo đó, Ban quản lý Khu kinh tế P có văn bản số 559/BQLKTPQ-ĐĐ&XD ngày 14/5/2021 trả lời Tòa án thể hiện: Đối với diện tích đất 5.854,5m^2 thu hồi đối với bà Nguyễn Kim C mà bà C khởi kiện yêu cầu được bồi thường, hỗ trợ thì Ban quản lý Khu kinh tế P chưa ban hành quyết định giao đất, cho thuê đất, nên Tòa án xét thấy không cần thiết đưa Ban quản lý khu kinh tế P và Công ty trách nhiệm hữu hạn Mặt trời P vào tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa:

- Ông Danh Cam R trình bày và yêu cầu giải quyết:

Cùng một thửa đất sử dụng chung cùng thời điểm cho đến khi quy hoạch thực hiện dự án, UBND thành phố P đã chia tách thành hai thửa, trong đó một thửa diện tích 9.374,3m^2 có trồng cây lâu năm được bồi thường, thửa còn lại diện tích đất 5.854,4m^2 sử dụng trồng hoa màu như Khoai mì, Bầu, Bí thì không được bồi thường. Trong khi việc sử dụng đất trước khi có quy hoạch đưa vào đất rừng phòng hộ năm 1998 (sử dụng trước ngày 01/7/2004) đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ theo quy định của Luật Đất đai năm 2013. Nên vẫn giữ nguyên yêu cầu hủy Quyết định số 4197/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc giải quyết khiếu nại và buộc UBND thành phố P phải thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất 5.854,5m^2 đã có quyết định thu hồi đất.

Đối với đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Quyết định số 8403/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND thành phố P về việc thu hồi đất diện tích 5.854,5m^2 đối với bà Nguyễn Kim C, xin rút lại yêu cầu này.

- Ông Trần Chiến T trình bày và yêu cầu giải quyết:

Diện tích đất 5.854,4m^2 về nguồn gốc đất là của ông Nguyễn Minh K cho lại bà C, ông K đã khai rõ trong quá trình làm việc được Thanh tra thành phố P lập biên bản ngày 14/3/2019 khi giải quyết khiếu nại, đất này không có quá trình sử dụng, hiện trạng khi thu hồi đất không có cây trồng chỉ có cây rừng mọc tự nhiên, việc này đã được Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, nên không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại Điều 75 và Điều 82 Luật Đất đai năm 2013.

- Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân nhân, Thư ký Tòa án và việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính tại phiên tòa sơ thẩm.

Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ đủ điều kiện để giải quyết vụ kiện.

Đối với người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Diện tích đất 5.854,5m^2 bà C yêu cầu bồi thường không có quá trình sử dụng của ông K và bà C. Đề nghị Hội đồng xét xử

căn cứ khoản 2 Điều 173 và điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim C về việc yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 4197/QĐ-UBND ngày 19/09/2019 của Chủ tịch UBND thành phố P và yêu cầu UBND thành phố P bồi thường diện tích đất 5.854,5 m^2 thu hồi trong Dự án Cáp treo biển M - P;

Đình chỉ đối với yêu cầu huỷ Quyết định số 8403/QĐ-UBND, ngày 30/12/2016 của UBND huyện P (nay là thành phố P) về việc thu hồi đất diện tích 5.854,5m^2.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Việc vắng mặt các đương sự tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Kim C vắng mặt, ủy quyền cho ông Danh Cam R có mặt; Chủ tịch UBND thành phố P – ông Huỳnh Quang Hưng vắng mặt ủy quyền cho ông Trần Chiến T có mặt; Người đại diện Vườn quốc gia P - ông Nguyễn Văn T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1, 2 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.2] Thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Kim C yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4197/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc giải quyết khiếu nại, Quyết định số 8403/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND thành phố P về việc thu hồi đất và buộc UBND thành phố P thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi 5.854,5m^2 đất là khiếu kiện các quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 30, 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Thời hiệu khởi kiện:

Kể từ ngày bà C nhận được quyết định giải quyết khiếu nại cho đến ngày nộp đơn khởi kiện tại Tòa án chưa hết một năm là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Đối với Quyết định thu hồi đất số 8403/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND thành phố P đã được triển khai cho bà C ngày 19/01/2017. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà C có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy quyết định này. Căn

cứ Khoản 1 Điều 173 Luật Tố tụng hành chính, việc bổ sung yêu cầu khởi kiện của bà C là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét trong vụ án.

[1.4] Tại phiên tòa, ông Danh Cam R rút lại yêu cầu hủy Quyết định số 8403/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND thành phố P về việc thu hồi đất diện tích 5.854,5m^2 đối với bà Nguyễn Kim C. Căn cứ Khoản 2 Điều 173 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà C.

[2] Về thẩm quyền và trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại:

Quyết định số 4197/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 được Chủ tịch UBND thành phố P được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại và triển khai quyết định cho người khiếu nại đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 1 Điều 18, Điều 27, 29, 30, 31 của Luật Khiếu nại.

[3] Về nội dung:

Theo bà Nguyễn Kim C trình bày, bà C có được diện tích đất 15.228,8m^2 tọa lạc tại ấp B, xã M (nay là khu phố B, phường A), thành phố P, tỉnh Kiên Giang là của ông nội Nguyễn Dương T2 khai khẩn để lại cho con Nguyễn Minh K, sau đó ông K cho con gái Nguyễn Thị Kim H sử dụng, bà H tặng cho lại em Nguyễn Kim C. Thực hiện dự án Cáp treo và Quần thể vui chơi giải trí biên M – P, UBND thành phố P ban hành các quyết định thu hồi đất đối với bà C, theo đó đã bồi thường, hỗ trợ cho bà C diện tích 9.374,3m^2 (phần này bà C không khiếu nại và khởi kiện), phần còn lại 5.854,5m^2 không được bồi thường, hỗ trợ dẫn đến bà C khiếu nại và khởi kiện đến Tòa án.

Trong khi đó, người bị kiện trình bày, diện tích đất 5.854,5m^2 bà C khiếu nại không được bồi thường là đất rừng tự nhiên do nhà nước quản lý, ông K cũng như bà C không có quá trình quản lý và sử dụng. Năm 2015 khi đo đạc, kiểm kê bà C đứng ra kê khai đo đạc, nên không ban hành quyết định bồi thường cho bà C.

Xét nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng đất và quá trình sử dụng diện tích đất 5.854,5m^2 thấy rằng:

Tại Biên bản làm việc ngày 14/3/2019 do Thanh Tra huyện (thành phố) P lập khi làm việc với ông Nguyễn Minh K để giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Kim C, ông K trình bày xác định:

"Nguồn gốc đất năm 1975 ông K được cha là ông Nguyễn Dương T2 cho (không có giấy tờ gì), tại thời điểm cho ông K chỉ quản lý chứ không trồng trọt gì thêm. Đến năm 1980, ông K mới vào thửa đất trồng thêm cây cổ thụ như cây Xoài, Tràm bông vàng trên phần đất trống (vùng cây rừng nhỏ), còn phần diện

tích đất 5.854,5m^2 hiện trạng vẫn là cây rừng. Đến năm 1987, ông K có vào phần đất 5.854,5m^2 phát dọn để trồng cây thì bị ông Hợp cán bộ Kiểm lâm ngăn cản và xác định đây là đất rừng phòng hộ không cho trồng cây canh tác, lúc này ông K chấp hành không trồng cây. Đến năm 2007, ông K tiếp tục đến phần đất 5.854,5m^2 phát dọn thì bị ông Tâm (hiện là giám đốc BQL rừng phòng hộ) không cho phát dọn phần đất này và bắt ông K ký cam kết không được phát dọn, nên ông K chấp hành không phát dọn cho đến khi cho lại con gái là bà C, bà C cũng không trồng trọt gì đến khi quy hoạch. Còn phần diện tích đất ngoài diện tích 5.854,5m^2 gia đình ông K vẫn canh tác ổn định đến khi bị thu hồi để thực hiện Dự án"(BL: 23).

Điều này một lần nữa khi ông K (đại diện theo ủy quyền của bà C khiếu nại) trực tiếp đối thoại với phía người bị kiện đã khẳng định tại Biên bản đối thoại số 217/BB-UBND ngày 11/9/2019 (BL: 21), thể hiện:

"Diện tích 5.854,5m^2 không có cây trồng và thành quả lao động, phía trên đất của tôi là đất ông Phạm Văn Thêm được bồi thường, nhưng tôi không được. Tôi không canh tác được là do Xã đội, ông Dũng ngăn chặn không cho canh tác. Thửa đất tôi khiếu nại diện tích 5.854,5m^2, liền kề thửa đất diện tích 9.374.3m^2 đã được bồi thường".

Ngoài ra khi xét duyệt nguồn gốc đất, Ủy ban nhân dân xã M (nay là phường A) xác nhận về nguồn gốc đất tại Biên bản xác minh nguồn gốc đất ngày 31/8/2016 thể hiện: *"Diện tích 5.854,5m^2 không có thành quả, hiện trạng là cây rừng tự nhiên thuộc Rừng phòng hộ quản lý";* khi giải quyết đơn khiếu nại của bà C, người bị kiện đã phải kiểm tra lại hiện trạng và lập Biên bản kiểm tra hiện trạng thửa đất của bà C do Thanh tra P lập ngày 06/3/2019 (BL: 21, 22) cũng như quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án đã quyết định xem xét, thẩm định và lập Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 18/11/2020 (BL: 58, 59) đều thể hiện: *"Toàn bộ diện tích đất 5.854,5m^2 bà C kê khai hiện trạng không có cây trồng, chỉ có cây rừng mọc tự nhiên. Tại thời điểm kiểm tra bà C xác định có 02 cây mít và 01 cây đào, nhưng qua kiểm tra tọa độ thì những cây này nằm trên phần diện tích 9.374,3m^2 gia đình bà C đã được lập phương án bồi thường, không nằm trong phần đất khiếu kiện".*

Bà C cho rằng, việc sử dụng đất nhiều người biết, Tòa án đã tiến hành xác minh một số người dân sống gần khu đất đều khai biết rõ nguồn gốc toàn bộ khu đất là của gia đình ông K có sử dụng đất trồng cây lâu năm và cây ngắn ngày, diện tích cụ thể bao nhiêu không rõ. Đối chiếu với lời khai của ông K thể hiện,

phần đất ông K quản lý, sử dụng có cây trồng trên đất sau đó để lại cho con Nguyễn Thị Kim H, bà H cho lại em Nguyễn Kim C đã được bồi thường diện tích đất 9.375,3m^2, phần diện tích đất còn lại 5.854,5m^2 ông K khai tại biên bản làm việc ngày 14/3/2019 do Thanh tra huyện P lập cũng như khi trực tiếp đối thoại không có quả trình sử dụng, nên không được bồi thường.

Như vậy cho thấy, diện tích đất bà C yêu cầu bồi thường không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013, đồng thời cũng không phải là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất ổn định, liên tục trước ngày 01/7/2004 cho đến khi có quyết định thu hồi đất được quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013. Đất này bà C có tên trong quyết định thu hồi đất là do khi thực hiện đo đạc, lập phương án, bà C đã kê khai phần đất liền kề với phần đất của mình đang sử dụng, nên việc UBND thành phố P không bồi thường và áp dụng các chính sách hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với bà C, cũng như việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố P là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 75 và Điều 82 Luật Đất đai năm 2013.

[4] Từ những nhận định trên sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim C do rút yêu cầu. Chấp nhận đề nghị đại diện Viện kiểm sát. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim C về việc yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 4197/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố P và yêu cầu buộc UBND thành phố P thực hiện bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất 5.854,5m^2 mà UBND thành phố P đã thu hồi đất theo Quyết định thu hồi đất số 8403/QĐ-UBND ngày 30/12/2016.

[5] Án phí hành chính sơ thẩm:

Bà Nguyễn Kim C phải chịu án phí 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo lai thu số 0000740 ngày 11/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

UBND thành phố P và Chủ tịch UBND thành phố P không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 30, 32, 116, 158, 164, 173, 193, 194 của Luật Tố tụng hành chính;
- Căn cứ Điều 18, 21, 31 của Luật Khiếu nại năm 2011;
- Căn cứ Điều 75, Điều 82 của Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ Điều 32 của Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim C đối với yêu cầu hủy Quyết định số 8403/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc thu hồi đất đối với bà Nguyễn Kim C, do rút yêu cầu.

2. Xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim C về việc yêu cầu hủy Quyết định số 4197/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc giải quyết khiếu nại đối với bà Nguyễn Kim C và bác yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố P bồi thường, hỗ trợ quyền sử dụng đất diện tích đất 5.854,5m^2 đối với bà Nguyễn Kim C mà Ủy ban nhân dân thành phố P đã có Quyết định số 8403/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 thu hồi đất để thực hiện dự án Cáp treo và quần thể vui chơi biển M – P.

3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Kim C phải chịu án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000740 ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

- Ủy ban nhân dân thành phố P và Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố P không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm;

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Như Tám